TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 -THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 54/2026/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị T - Sinh năm: 1990

Căn cước số 038190019628 do Bộ C cấp ngày 02/6/2025

Bị đơn: Ngân Văn Ư - Sinh năm: 1987

CCCD số 038087033985 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 28/6/2021

Cùng nơi ĐKTT: Bản Pượn, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đoàn Văn D – Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị T và anh Ngân Văn Ư.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Ngân Văn Ư thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Ngân Bảo T1 - Sinh ngày 10/5/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Giao cháu Ngân Thủy T2 – Sinh ngày 01/11/2011 và cháu Ngân Thiện T3 – Sinh ngày 24/8/2018 cho anh Ư trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

Chị T và anh Ư có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung và công, nợ chung: Chị T và anh Ư thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Chị T và anh Ư đều là người thuộc hộ nghèo. Nên chị Vi Thị T và anh Ngân Văn Ư được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA – TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND T.Thanh Hoá
- VKSND khu vực 13 - Thanh Hóa;
- THADS Tỉnh Thanh Hóa;
- UBND X. Trung Sơn, T. Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Hùng